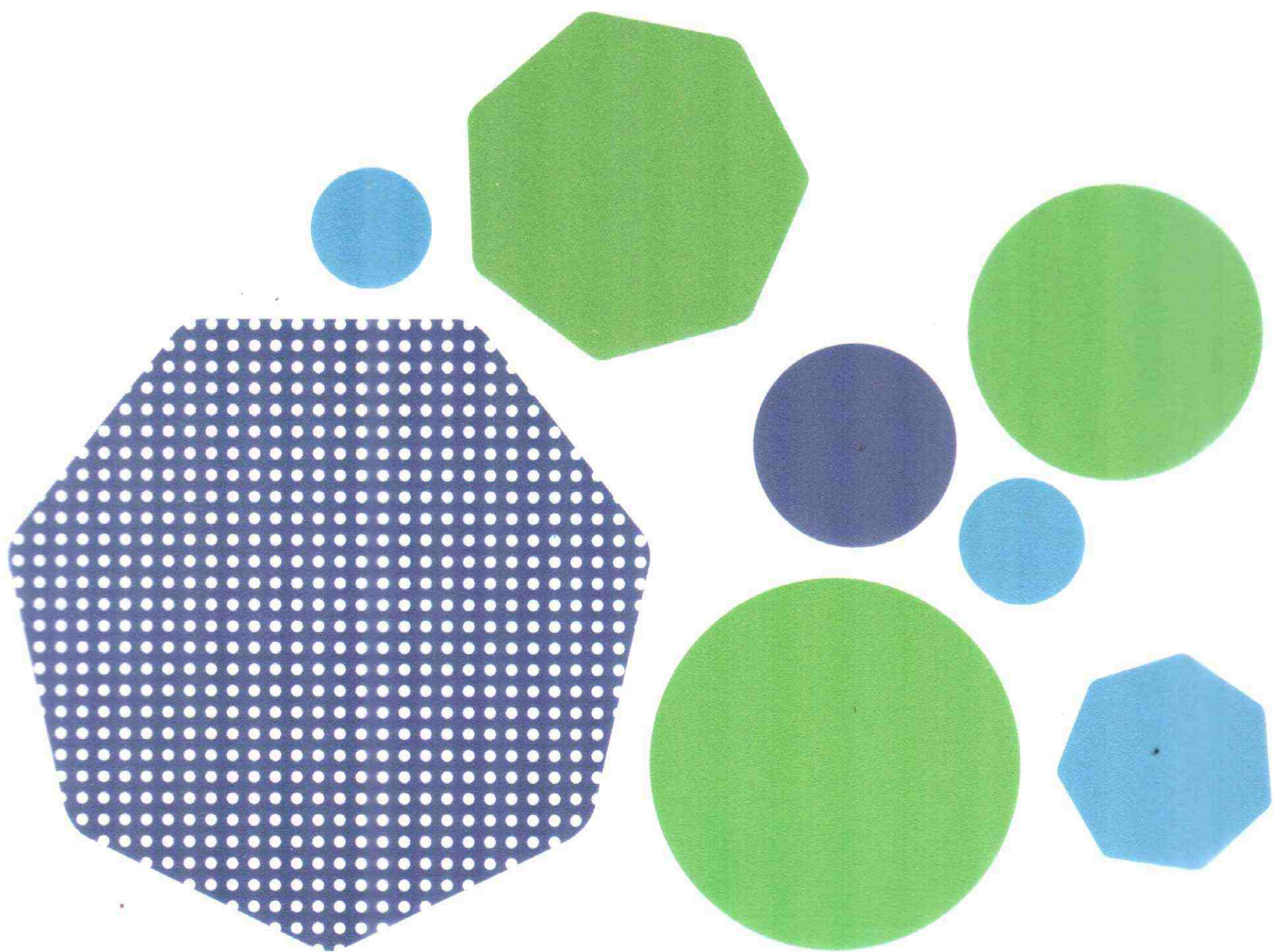


**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

---



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 42

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Kp. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015 từ trang 5 đến trang 42 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban	
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 26/01/2016
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26/01/2016
	Quyền Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26/01/2016
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm từ ngày 26/01/2016
Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	

Theo Quyết định số 146/QĐ-DLTM ngày 08/12/2015 của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh, Bà Trần Thị Hiền – Phó kế toán trưởng Công ty nhận bàn giao công việc từ Ông Võ Phước Hồng – Kế toán trưởng Công ty và phụ trách phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh từ ngày 10/12/2015.

Bà Nguyễn Thị Phúc không tham gia dự họp Hội đồng Quản Trị từ tháng 11 năm 2015.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh ngày 26/01/2016, Ông Lê Hữu Phước từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Theo đó, Công ty bổ nhiệm Ông Trần Anh Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (Quyền Tổng Giám đốc) của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh, nhiệm kỳ 2012 – 2016.

Bên cạnh đó, Ông Đặng Văn Hoàng xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 26/01/2016. Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị cũng có chủ trương ký hợp đồng Ông Đặng Văn Hoàng làm Kế toán trưởng của Công ty trong thời hạn 03 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Kp. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Anh Minh**

**Q. Tổng Giám đốc**

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Số: 08 /2016/UHYACA/HCM - BCKTĐL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như được nêu tại mục 06 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh căn cứ theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đến thời điểm 30/09/2015 với giá trị là: 877.885.897 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh để làm cơ sở ước tính lại giá trị trích lập dự phòng nêu trên.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1828-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.991.050.289</b>	<b>41.602.250.231</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>40.071.069.292</b>	<b>9.801.201.693</b>
Tiền	111		2.071.069.292	1.001.201.693
Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	8.800.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6a</b>	<b>1.066.916.667</b>	<b>1.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.066.916.667	1.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.089.585.928</b>	<b>17.519.857.639</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	891.302.371	1.636.802.900
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.546.382.248	697.900.400
Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	3.389.555.477	15.351.899.802
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó	137	13	(988.683.535)	(477.774.830)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	12	251.029.367	311.029.367
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>7.181.893.013</b>	<b>12.252.100.250</b>
Hàng tồn kho	141		7.181.893.013	12.252.100.250
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>581.585.389</b>	<b>1.029.090.649</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	157.301.606	104.688.152
Thuế GTGT được khấu trừ	152		169.343.156	673.389.599
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16b	254.940.627	251.012.898
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.839.963.052</b>	<b>46.387.919.078</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.538.159.453</b>	<b>5.976.697.700</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.368.177.065	5.806.715.312
- Nguyên giá	222		7.225.957.950	7.115.707.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.857.780.885)	(1.308.992.638)
Tài sản cố định vô hình	227	11	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6b</b>	<b>39.001.822.393</b>	<b>39.879.708.290</b>
Đầu tư vào công ty con	251		27.459.910.430	27.459.910.430
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.419.797.860	12.419.797.860
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(877.885.897)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>299.981.206</b>	<b>531.513.088</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	299.981.206	531.513.088
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>102.831.013.341</b>	<b>87.990.169.309</b>




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.139.201.520</b>	<b>6.022.243.848</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.788.248.520</b>	<b>5.787.258.348</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	1.182.431.278	1.175.162.421
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.312.000	1.809.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16a	984.998.180	721.000
Phải trả người lao động	314		2.300.115.129	1.584.004.844
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	227.893.144	200.596.464
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	3.446.245.455	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	3.587.231.240	2.811.835.525
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.022.094	13.129.094
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>350.953.000</b>	<b>234.985.500</b>
Phải trả dài hạn khác	337	19b	350.953.000	234.985.500
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.691.811.821</b>	<b>81.967.925.461</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>89.443.460.407</b>	<b>81.967.925.461</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.702.100.000	45.702.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		30.078.573.461	24.218.159.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.662.786.946	12.047.666.098
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	12.047.666.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.662.786.946	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.248.351.414</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431	21	1.194.252.456	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		54.098.958	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>102.831.013.341</b>	<b>87.990.169.309</b>


Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Hiền

Q. Tổng Giám đốc



Trần Anh Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>154.123.233.592</b>	<b>152.168.250.946</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>154.123.233.592</b>	<b>152.168.250.946</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>142.334.062.553</b>	<b>147.450.713.832</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch</b>	<b>20</b>		<b>11.789.171.039</b>	<b>4.717.537.114</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.702.949.315	16.629.359.267
Chi phí tài chính	22	24	893.130.341	48.538.265
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.244.444</i>	<i>8.038.265</i>
Chi phí bán hàng	25	26b	6.072.179.726	4.577.135.187
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26a	6.210.814.454	4.808.663.461
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.315.995.833</b>	<b>11.912.559.468</b>
Thu nhập khác	31	27	1.605.107.302	1.041.681.630
Chi phí khác	32	28	254.316.189	97.575.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.350.791.113</b>	<b>944.106.630</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.666.786.946</b>	<b>12.856.666.098</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.666.786.946</b>	<b>12.856.666.098</b>

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Trần Anh Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>14.666.786.946</b>	<b>12.856.666.098</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	547.637.205	348.137.462
Các khoản dự phòng	03	1.388.794.602	417.774.830
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(14.654.343.299)	(16.034.371.988)
Chi phí lãi vay	06	15.244.444	8.038.265
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.964.119.898</b>	<b>(2.403.755.333)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.040.740.859	2.240.895.706
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.769.201.946	3.384.738.685
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(23.495.620.326)	296.424.892
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	178.918.428	(491.951.622)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.244.444)	(8.038.265)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.370.321.735	757.843.946
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.495.258.029)	(1.758.296.160)
	<b>20</b>	<b>8.317.180.067</b>	<b>2.017.861.849</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(55.000.000)	(3.856.406.643)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.916.667)	(1.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.558.856.199	15.719.421.988
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>27.436.939.532</b>	<b>10.863.015.345</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		22.600.000.000	10.745.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.600.000.000)	(10.745.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.484.252.000)	(5.483.088.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.484.252.000)</b>	<b>(5.483.088.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>30.269.867.599</b>	<b>7.397.789.194</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>9.801.201.693</b>	<b>2.403.412.499</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>40.071.069.292</b>	<b>9.801.201.693</b>

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Hiền

Q. Tổng Giám đốc



Trần Anh Minh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du Lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du Lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 01 tháng 08 năm 2014 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần, Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là thương mại, dịch vụ.

#### **1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Đại lý du lịch. Chi tiết: dịch vụ du lịch, tổ chức thực hiện các tour lữ hành quốc tế và nội địa;
- Buôn bán thực phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Buôn bán sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Đối ngoại tệ cho du khách;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới.....);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Buôn bán đồ uống; Buôn bán tổng hợp;
- Đại lý môi giới đầu giá. Chi tiết: Bán vé máy bay, dịch vụ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)**

- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Quảng cáo;

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
- Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh

Công ty có các công ty liên kết sau:

- Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh

**1.5 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn hàng hóa bia, nước giải khát. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ không tập trung vào một vài tháng cao điểm nào mà phát sinh đều qua các tháng.

**1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là buôn bán hàng hóa bia, nước giải khát cho khách hàng là người dân và các đại lý trong địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cũng có nhiều đại lý bán bia, nước giải khát với giá cạnh tranh hơn so với công ty cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, ngoại trừ một số thay đổi do áp dụng chế độ kế toán mới theo quy định tại Thông tư 200.

**4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

**4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

***Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí thuê kho trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hợp đồng.

**4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.7 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.  
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động kinh doanh nước giải khát, kinh doanh hạt điều và các hoạt động dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh, Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh, Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh và Công ty Cổ phần Gạch Ngói Tây Ninh, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	122.358.877	409.243.316
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.948.710.415	591.958.377
Các khoản tương đương tiền (*)	38.000.000.000	8.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.071.069.292</b>	<b>9.801.201.693</b>

(\*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất là 4%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>891.302.371</b>	-	<b>1.636.802.900</b>	-
Tạp hóa Nhân Trang	209.523.000	-	53.575.000	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	82.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	599.779.371	-	1.583.227.900	-
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>84.040.000</b>	-	<b>32.674.000</b>	-
Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình	-	-	32.674.000	-
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	82.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Lữ Hành Tây Ninh	2.040.000	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.389.555.477</b>	<b>(988.683.535)</b>	<b>15.351.899.802</b>	<b>(477.774.830)</b>
Cổ tức phải thu	118.027.000	-	13.206.956.000	-
- Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	-	-	12.718.056.000	-
- Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	-	-	151.680.000	-
- Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	118.027.000	-	337.220.000	-
Tạm ứng	136.067.500	-	141.900.000	-
Cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.774.401.422	-	1.523.686.422	-
Các khoản phải thu khác	1.361.059.555	(988.683.535)	479.357.380	(477.774.830)
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.389.555.477</b>	<b>(988.683.535)</b>	<b>15.351.899.802</b>	<b>(477.774.830)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	3.174.225.725	-	3.050.234.926	-
Hàng hóa	4.007.667.288	-	9.201.865.324	-
<b>Cộng</b>	<b>7.181.893.013</b>	<b>-</b>	<b>12.252.100.250</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2015	4.355.381.105	224.247.267	2.536.079.578	-	7.115.707.950
- Mua trong kỳ	-	-	-	110.250.000	110.250.000
Tại 31/12/2015	4.355.381.105	224.247.267	2.536.079.578	110.250.000	7.225.957.950
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2015	125.213.912	8.160.108	1.175.618.618	-	1.308.992.638
- Khấu hao trong năm	293.987.412	22.424.724	224.777.844	7.598.267	548.788.247
Tại 31/12/2015	419.201.324	30.584.832	1.400.396.462	7.598.267	1.857.780.885
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2015	4.230.167.193	216.087.159	1.360.460.960	-	5.806.715.312
Tại 31/12/2015	3.936.179.781	193.662.435	1.135.683.116	102.651.733	5.368.177.065

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là: 581.321.581 đồng.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
* Vườn cây khu Du lịch Núi Bà	251.029.367	311.029.367
<b>Cộng</b>	<b>251.029.367</b>	<b>311.029.367</b>

**13. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>	<b>988.683.535</b>	-	<b>477.774.830</b>	-
DNTN Ngọc Giàu	69.060.000	-	60.000.000	-
Nguyễn Văn Huy	495.185.586	-	319.856.031	-
Lê Hiền Trí	208.450.249	-	97.918.799	-
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	135.550.000	-	-	-
HKD Nguyễn Bích Vân	70.198.800	-	-	-
Lê Phước Vũ	10.238.900	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>988.683.535</b>	-	<b>477.774.830</b>	-

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>157.301.606</b>	<b>104.688.152</b>
Chi phí đường bộ	2.166.000	-
Chi phí sửa chữa	-	21.895.833
Công cụ dụng cụ	29.122.348	82.792.319
Chi phí lắp đặt pano quảng cáo, quảng cáo trên cabin Cáp treo	6.013.258	-
Chi phí tư vấn lập phương án khai thác KS tỉnh Ủy Tây Ninh	120.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>299.981.206</b>	<b>531.513.088</b>
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	1.386.666	11.780.262
Chi phí công cụ, dụng cụ	75.122.724	110.641.916
Chi phí thuê kho	136.363.638	409.090.910
Chi phí sửa chữa, nâng cấp	75.108.178	-
Phí sử dụng phần mềm Misa	12.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>457.282.812</b>	<b>636.201.240</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.182.431.278</b>	<b>1.182.431.278</b>	<b>1.175.162.421</b>	<b>1.175.162.421</b>
Công ty CP Chứng khoán Beta	20.500.000	20.500.000	-	-
Công ty CP Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh	1.106.509.656	1.106.509.656	863.348.004	863.348.004
Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo	1.152.542	1.152.542	137.655.396	137.655.396
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Huỳnh Thanh	44.359.780	44.359.780	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	9.909.300	9.909.300	174.159.021	174.159.021
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.106.509.656</b>	<b>1.106.509.656</b>	<b>863.348.004</b>	<b>863.348.004</b>
Công ty CP Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh	1.106.509.656	1.106.509.656	863.348.004	863.348.004

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>a)Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Phí tham quan vào công	-	27.477.408.000	27.008.928.000	468.480.000
Phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	-	212.914.996	-	212.914.996
Phí khác nộp Nhà nước	-	302.882.184	-	302.882.184
Các loại thuế khác	721.000	3.000.000	3.000.000	721.000
<b>Cộng</b>	<b>721.000</b>	<b>27.996.205.180</b>	<b>27.011.928.000</b>	<b>984.998.180</b>
<b>b)Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	566.449	75.234.219	79.161.948	4.494.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.446.449	-	-	250.446.449
<b>Cộng</b>	<b>251.012.898</b>	<b>75.234.219</b>	<b>79.161.948</b>	<b>254.940.627</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>227.893.144</b>	<b>200.596.464</b>
- Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ bán đấu giá cổ phần Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	-	5.500.000
- Trích trước chi phí thẩm định giá tài sản Khu Du Lịch	40.909.091	-
- Trích trước chi phí tư vấn chào bán quyền mua cổ phần tại Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình và Tư vấn thoái vốn và chào bán cổ phần tại Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	-	35.000.000
- Trích trước chi phí phòng kinh doanh	12.330.780	50.096.464
- Trích trước chi phí thẩm định xác định giá trị vốn chủ sở hữu Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	22.727.273	-
- Trích trước phí viết đề án tư vấn phát triển du lịch, danh thắng và du lịch Quốc gia núi Bà đen giai đoạn 2013-2020	-	60.000.000
- Trích trước chi phí thuê đất	71.926.000	-
- Trích trước chi phí khác	80.000.000	50.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>227.893.144</b>	<b>200.596.464</b>

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.446.245.455</b>	-
- Doanh thu nhận trước	3.446.245.455	-
+ Cho thuê mặt bằng tại KDL Núi Bà	3.446.245.455	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Khả năng không thực hiện hợp đồng với khách hàng</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.446.245.455</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**19. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.587.231.240</b>	<b>2.811.835.525</b>
Kinh phí công đoàn	42.041.379	65.469.304
Bảo hiểm xã hội	23.278.242	6.185.830
Tiền thế chấp phải trả	2.887.222.661	2.372.489.033
Phải trả bảo hành công trình	38.781.550	219.350.450
Cổ tức phải trả	59.920.000	38.260.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	-
Các khoản phải trả khác	465.987.408	110.080.908
<b>b) Dài hạn</b>	<b>350.953.000</b>	<b>234.985.500</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	350.953.000	234.985.500
<b>Cộng</b>	<b>3.938.184.240</b>	<b>3.046.821.025</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>16.170.553.893</b>	<b>3.593.925.948</b>	<b>10.850.458.791</b>	<b>76.317.038.632</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	12.856.666.098	12.856.666.098
- Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	5.296.993.372	-	(5.866.206.791)	(569.213.419)
- Trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	(309.000.000)	(309.000.000)
- Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	2.750.612.098	(2.750.612.098)	-	-
- Giảm các quỹ trong năm	-	-	(843.313.850)	-	(843.313.850)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>24.218.159.363</b>	<b>-</b>	<b>12.047.666.098</b>	<b>81.967.925.461</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>24.218.159.363</b>	<b>-</b>	<b>12.047.666.098</b>	<b>81.967.925.461</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	14.666.786.946	14.666.786.946
- Chia cổ tức năm 2014 (1)	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển năm 2014 (1)	-	5.860.414.098	-	(6.563.414.098)	(703.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
- Lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	-	(304.000.000)	(304.000.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>30.078.573.461</b>	<b>-</b>	<b>13.662.786.946</b>	<b>89.443.460.407</b>

(1) Công ty trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 28 ngày 29/06/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

<i>Chủ sở hữu</i>	<b>Tại 31/12/2015</b>		<b>Tại 01/01/2015</b>	
	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	80,8%	36.942.300.000	80,8%	36.942.300.000
Cty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	4,3%	1.978.800.000	4,3%	1.978.800.000
Ông Lê Hữu Phước	0,1%	29.000.000	0,1%	29.000.000
Các cổ đông khác	14,8%	6.752.000.000	14,8%	6.752.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>45.702.100.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp đầu năm	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.484.252.000	5.484.252.000

**20.4 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.078.573.461	24.218.159.363
<b>Cộng</b>	<b>30.078.573.461</b>	<b>24.218.159.363</b>

**21. NGUỒN KINH PHÍ**

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6.869.352.000	-
Chi sự nghiệp	5.675.099.544	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	1.194.252.456	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.194.252.456</b>	<b>-</b>

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>154.123.233.592</b>	<b>152.168.250.946</b>
Doanh thu nước giải khát	125.969.549.115	124.181.986.681
Doanh thu hạt điều, nhân điều	14.200.460.000	27.023.944.000
Doanh thu vỏ chai	-	620.660.292
Doanh thu dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	4.021.697.277	-
Doanh thu dịch vụ hang Rông	991.436.363	-
Doanh thu dịch vụ vận chuyên	3.007.727.274	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.928.363.563	-
Doanh thu khác	4.000.000	341.659.973
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>76.400.000</b>	<b>29.703.636</b>
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	-	29.703.636
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	74.545.455	-
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	1.854.545	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
*Giá vốn nước giải khát	120.248.343.371	120.136.808.494
Giá vốn hạt điều, nhân điều	14.040.500.000	26.185.200.000
Giá vốn vỏ chai	-	801.073.065
Giá vốn dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	3.153.140.679	-
Giá vốn dịch vụ hang Rồng	366.011.227	-
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	2.257.854.546	-
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.268.212.730	-
Giá vốn mặt hàng khác	-	327.632.273
<b>Cộng</b>	<b>142.334.062.553</b>	<b>147.450.713.832</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, lãi trả chậm	1.284.079.299	392.751.988
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.370.264.000	15.641.620.000
Doanh thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần	-	549.276.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.393.356
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.606.016	44.317.423
<b>Cộng</b>	<b>14.702.949.315</b>	<b>16.629.359.267</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	15.244.444	8.038.265
Chi phí tư vấn, đấu giá	-	40.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	877.885.897	-
<b>Cộng</b>	<b>893.130.341</b>	<b>48.538.265</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b><i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i></b>	<b>6.210.814.454</b>	<b>4.808.663.461</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.312.582.341	2.734.707.594
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.112.309	213.792.228
Chi phí khấu hao TSCĐ	389.639.709	195.387.580
Thuế, phí và lệ phí	259.670.172	48.870.003
Chi phí dự phòng	510.908.705	417.774.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.921.449	88.443.246
Chi phí bằng tiền khác	1.324.979.769	1.109.687.980
<b><i>b. Các khoản chi phí bán hàng</i></b>	<b>6.072.179.726</b>	<b>4.577.135.187</b>
Chi phí nhân viên	3.479.009.075	2.604.258.300
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	103.634.406	45.968.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	157.997.496	154.575.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	407.705.422	434.603.841
Chi phí bằng tiền khác	1.923.833.327	1.337.729.757

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Xử lý công nợ phải trả	-	606.376.392
Thù lao người đại diện vốn	326.283.333	-
Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bia, nước giải khát	751.779.469	-
Thu nhập khác	527.044.500	435.305.238
<b>Cộng</b>	<b>1.605.107.302</b>	<b>1.041.681.630</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thẩm định giá	1.650.000	-
Chi phí vận chuyển khách bằng xe ngựa	165.000.000	-
Chi phí khác	87.666.189	97.575.000
<b>Cộng</b>	<b>254.316.189</b>	<b>97.575.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.666.786.946</b>	<b>12.856.666.098</b>
<b>Các khoản lỗ được kết chuyển</b>	<b>(4.997.084.590)</b>	-
- Chuyển lỗ năm 2012	(1.718.759.463)	-
- Chuyển lỗ năm 2013	(1.889.908.280)	-
- Chuyển lỗ năm 2014	(1.388.416.847)	-
<b>Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.700.561.644</b>	-
Chi phí không được trừ	254.316.189	-
Doanh thu chưa thực hiện	3.446.245.455	-
<b>Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>(13.370.264.000)</b>	<b>(15.641.620.000)</b>
Cổ tức nhận được	(13.370.264.000)	(15.641.620.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>-</b>	<b>(2.784.953.902)</b>
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.071.069.292	9.801.201.693
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.066.916.667	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.290.848.146	16.509.725.322
<b>Cộng</b>	<b>44.428.834.105</b>	<b>27.310.927.015</b>
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.995.375.897	4.112.068.312
Chi phí phải trả	227.893.144	200.596.464
<b>Cộng</b>	<b>5.223.269.041</b>	<b>4.312.664.776</b>

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)*****Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.644.422.897	350.953.000	4.995.375.897
Chi phí phải trả	227.893.144	-	227.893.144
<b>Cộng</b>	<b>4.872.316.041</b>	<b>350.953.000</b>	<b>5.223.269.041</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.877.082.812	234.985.500	4.112.068.312
Chi phí phải trả	200.596.464	-	200.596.464
<b>Cộng</b>	<b>4.077.679.276</b>	<b>234.985.500</b>	<b>4.312.664.776</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.071.069.292	-	40.071.069.292
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.066.916.667	-	1.066.916.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.290.848.146	-	3.290.848.146
<b>Cộng</b>	<b>44.428.834.105</b>	<b>-</b>	<b>44.428.834.105</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.801.201.693	-	9.801.201.693
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.509.725.322	-	16.509.725.322
<b>Cộng</b>	<b>27.310.927.015</b>	<b>-</b>	<b>27.310.927.015</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2015	Kinh doanh nước	Kinh doanh hạt	Kinh doanh dịch	Kinh doanh	Cộng
	giải khát	điều, nhân điều	vụ tại KDL	mặt hàng khác	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	125.969.549.115	14.200.460.000	13.953.224.477	-	154.123.233.592
<b>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>125.969.549.115</b>	<b>14.200.460.000</b>	<b>13.953.224.477</b>	<b>-</b>	<b>154.123.233.592</b>
Chi phí bộ phận	(120.248.343.371)	(14.040.500.000)	(8.045.219.182)	-	(142.334.062.553)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>5.721.205.744</b>	<b>159.960.000</b>	<b>5.908.005.295</b>	<b>-</b>	<b>11.789.171.039</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(12.282.994.180)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(493.823.141)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	14.702.949.315
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(893.130.341)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.605.107.302
Chi phí khác	-	-	-	-	(254.316.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.666.786.946</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Năm 2014	Kinh doanh nước giải khát VND	Kinh doanh hạt điều, nhân điều VND	Kinh doanh dịch vụ tại KDL VND	Kinh doanh mặt hàng khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	124.181.986.681	27.023.944.000	-	962.320.265	152.168.250.946
<b>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>124.181.986.681</b>	<b>27.023.944.000</b>	<b>-</b>	<b>962.320.265</b>	<b>152.168.250.946</b>
Chi phí bộ phận	(120.136.808.494)	(26.185.200.000)	-	(1.128.705.338)	(147.450.713.832)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>4.045.178.187</b>	<b>838.744.000</b>	<b>-</b>	<b>(166.385.073)</b>	<b>4.717.537.114</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(9.385.798.648)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(4.668.261.534)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	16.629.359.267
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(48.538.265)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.041.681.630
Chi phí khác	-	-	-	-	(97.575.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.856.666.098</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con
Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh	Công ty con
Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	Công ty liên doanh, liên kết

Giao dịch với bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Cty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh</b>		
- Bán hàng	913.185.455	1.122.007.818
- Mua Hàng	-	49.958.709.952
<b>Cty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh</b>		
- Bán hàng	419.095.454	1.412.490.914
- Mua Hàng	60.478.847.039	14.446.714.444
- Cổ tức đã thu	26.088.320.000	14.674.680.000
<b>Cty CP Lữ Hành Tây Ninh</b>		
- Bán hàng	91.609.091	108.581.819
- Mua Hàng	-	181.818
- Cổ tức đã thu	151.680.000	151.680.000
<b>Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh</b>		
- Cổ tức đã trả	4.433.076.000	4.253.076.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với bên liên quan:**

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh</b>		
- Phải trả tiền mua hàng	1.106.509.656	863.348.004
- Phải thu tiền hàng	1.576.423.184	-
- Phải thu khách hàng	82.000.000	-
- Thẻ chấp, ký quỹ	1.349.663.922	1.183.828.922
- Nhận thẻ chấp, ký quỹ	766.700.333	479.706.783
- Cổ tức phải thu	-	12.718.056.000
<b>Công ty CP Lữ Hành Tây Ninh</b>		
- Cổ tức phải thu	-	151.680.000
<b>Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh</b>		
- Cổ tức phải thu	118.027.000	337.220.000
<b>Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh</b>		
- Phải thu tiền bán hàng	-	32.674.000

**Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc:**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao HĐQT, BKS	304.000.000	304.000.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	882.000.000	588.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.186.000.000</b>	<b>892.000.000</b>

**32.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 01/HĐTK ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Tân Ngọc Lực, thời hạn 5 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 01/01/2019, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 25.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m<sup>2</sup> đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
  - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m<sup>2</sup>/năm.
  - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)**

- Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

**32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh ngày 26/01/2016, Ông Lê Hữu Phước từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Theo đó, Công ty bổ nhiệm Ông Trần Anh Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (Quyền Tổng Giám đốc) của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh, nhiệm kỳ 2012 – 2016.

Bên cạnh đó, Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị cũng có chủ trương bổ nhiệm Ông Đặng Văn Hoàng làm Kế toán trưởng của Công ty trong thời hạn 03 năm. Chủ trương này sẽ trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**32.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**32.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Như được nêu tại Thuyết minh số 3.1, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.5 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2015
		theo QĐ 15/2006 VND	theo TT 200/2014 VND
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>			
Đầu tư ngắn hạn	121	1.000.000.000	-
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	123	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	135	13.686.313.380	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	15.351.899.802
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	311.029.367
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.976.615.789	-
<b>Tổng</b>		<b>16.662.929.169</b>	<b>16.662.929.169</b>

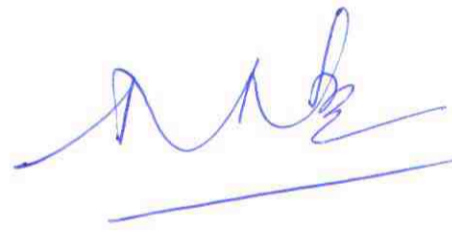
Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Trần Anh Minh